

Số: 287/2022/QĐST-DS

Gò Công Tây, ngày 19 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 158/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Trần Thị Ánh X**, sinh năm 1974.

HKTT: 103/16/23/7 C, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 262 ấp CT, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* **Trần Thị T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Thành P, sinh năm 1960.

HKTT: 224/2A BĐ, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 67A, ấp Tc, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Trần Thị Bích Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 2009, đường L, xã N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trần Thị Ánh H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Trần Thị Ánh T1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. **Trần Thành Đ1**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6. **Trần Thị Ánh T2**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 27B AB, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

7. **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nội dung:

Các đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn, tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất:

- Hàng thừa kế của cụ Trần Văn H2 gồm: Ông Trần Thành P, bà Trần Thị Bích Đ, bà Trần Thị Ánh H, bà Trần Thị Ánh T1, ông Trần Thành Đ1, bà Trần Thị Ánh X, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Ánh T2, cụ Nguyễn Thị H1.

- Di sản thừa kế do cụ Trần Văn H2 để lại gồm: $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) thửa đất số 34, loại đất cây lâu năm, diện tích 1497,7m², tờ bản đồ số 15, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09452 ngày 05/5/2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Trần Thị T, đất tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Các đương sự thỏa thuận cụ thể như sau:

* Công nhận $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) phần đất có diện tích 1497,7m², thuộc thửa đất số 34, loại đất cây lâu năm, tờ bản đồ số 15, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09452 ngày 05/5/2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Trần Thị T, đất tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Trần Văn H1. Phần đất có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đường TB.

+ Hướng Tây giáp đất Lê Công B, đất Phạm Văn Đ2.

+ Hướng Nam giáp đất Lê Công B, đất Trần Thành Đ1.

+ Hướng Bắc giáp phần số 1 ($\frac{1}{2}$ diện tích còn lại của thửa đất số 34).

* Chia cho bà Trần Thị X, ông Trần Thành P, ông Trần Thành Đ1 (mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 166,4m²) được sở hữu và quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 34, có diện tích là 500m² (các đương sự tự nguyện đồng ý giao cho X, P, Đ1 500m²), đất cây lâu năm; tờ bản đồ số 15; trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09452 ngày 05/5/2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Trần Thị T, đất tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (hiện bà Trần Thị T đang quản lý, sử dụng). Phần đất có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đường TB.

+ Hướng Tây giáp đất ông Phạm Văn Đ2.

+ Hướng Nam giáp đất Lê Công B, đất Trần Thành Đ1.

+ Hướng Bắc giáp phần số 2 (một phần của thửa đất số 34 được chia cho bà Trần Thị T).

* Chia cho bà Trần Thị Bích Đ, bà Trần Thị Ánh H, bà Trần Thị Ánh T1, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Ánh T2, cụ Nguyễn Thị H1 mỗi người được quyền sở hữu và quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 34; có diện tích là 166,4m² (tương đương 01 kỷ phần thửa kế), đất cây lâu năm; tờ bản đồ số 15; trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09452 ngày 05/5/2020 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Trần Thị Trinh, đất tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (hiện bà Trần Thị T đang quản lý, sử dụng). Bà Trần Thị T và bà Trần Thị Bích Đ, bà Trần Thị Ánh H, bà Trần Thị Ánh T1, bà Trần Thị Ánh T2, cụ Nguyễn Thị H1 tự nguyện thỏa thuận: Bà Trần Thị Bích Đ, bà Trần Thị Ánh H, bà Trần Thị Ánh T1, bà Trần Thị Ánh T2, cụ Nguyễn Thị H1 tặng cho bà Trần Thị T phần đất mà bà Trần Thị Bích Đ, bà Trần Thị Ánh H, bà Trần Thị Ánh T1, bà Trần Thị Ánh T2, cụ Nguyễn Thị H1 được chia. Cụ thể: bà Trần Thị T được quyền sở hữu và quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 34; có diện tích là 997,7m² (bà T tự nguyện đồng ý nhận diện tích 997,7m²), đất cây lâu năm; tờ bản đồ số 15; trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09452 ngày 05/5/2020 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Trần Thị T, đất tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (hiện bà Trần Thị T đang quản lý, sử dụng). Phần đất có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đường TB.

+ Hướng Tây giáp đất ông Phạm Văn Đ2, ông Lê Công B.

+ Hướng Nam giáp phần số 3 (một phần của thửa đất số 34 được chia cho bà Trần Thị X, ông Trần Thành P, ông Trần Thành Đ1).

+ Hướng Bắc giáp phần số 1.

(Tất cả các thửa đất đều có sơ đồ kèm theo)

Bà T có quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo qui định của Luật Đất đai và được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại hiện trạng sử dụng theo sơ đồ đo vẽ kèm theo quyết định này.

Ông P, bà X, ông Đ1 có quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo qui định của Luật Đất đai và được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật theo sơ đồ đo vẽ kèm theo quyết định này.

Bà T có nghĩa vụ giao đất cho ông P, bà X, ông Đ1 ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí:

Cụ Nguyễn Thị H1 và ông Trần Thành P thuộc diện người cao tuổi có đơn

xin miễn giảm án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

Bà Trần Thị Ánh X có nghĩa vụ nộp 6.240.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.340.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006257 ngày 24/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên bà X còn phải nộp tiếp số tiền 3.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Thành Đ1 có nghĩa vụ nộp 6.240.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị T tự nguyện có nghĩa vụ nộp toàn bộ số tiền 31.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Kiều Oanh